

Series FTE-K

Tên model	Dàn lạnh		FTE25KV1	FTE35KV1	FTE50KV1	FTE60KV1
	Dàn nóng		RE25KV1	RE35KV1	RE50KV1	RE60KV1
Công suất		kW	2.60	3.35	5.20	6.40
		Btu/h	8,900	11,450	17,750	21,800
Điện nguồn			1 pha, 220-240V, 50 Hz			
Cường độ dòng điện		A	3.5	5.0	8.0	9.3
Công suất điện tiêu thụ		W	792	1,070	1,661	2,044
COP		W/W	3.28	3.13	3.13	3.13
Dàn lạnh			FTE25KV1	FTE35KV1	FTE50KV1	FTE60KV1
Màu mặt nạ			Trắng			
Lưu lượng gió (cao)	m³/min (cfm)		9.6 (339)	9.9 (350)	18.5 (653)	
Tốc độ quạt gió			5 cấp và tự động			
Độ ồn (cao/thấp)		dB (A)	37/28	39/33	48/35	48/36
Kích thước (Cao x rộng x dày)		mm	283 x 800 x 195		290 x 1,050 x 238	
Khối lượng máy		kg	9		12	
Dàn nóng			RE25KV1	RE35KV1	RE50KV1	RE60KV1
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Kiểu		Roto dạng kín			
	Công suất điện	W	700	1,000	1,300	1,600
Môi chất nạp (R-22)		kg	0.60	1.00	0.90	1.56
Độ ồn		dB (A)	49	50	53	55
Kích thước (Cao x rộng x dày)		mm	550 x 658 x 275		595 x 845 x 300	735 x 825 x 300
Khối lượng máy		kg	27	30	36	53
Dây hoạt động		°CDB	19.4 đến 46			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	ø 6.4			
	Hơi		ø 9.5	ø 12.7	ø 15.9	
	Nước xả		ø 18.0			
Chiều dài đường ống tối đa		m	20			
Chênh lệch độ cao tối đa			15			

Ghi chú: Giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz.

Điều kiện đo:	
1. Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ dàn lạnh 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, chiều dài đường ống tương đương 5m.	
2. Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như mục 1. Đây là giá trị quy đổi trong điều kiện không đối âm. Trong quá trình hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.	

Phụ kiện tùy chọn

Dàn lạnh

STT	Thiết bị	FTE25/35K	FTE50/60K
1	Bộ điều khiển trung tâm cho 5 phòng.	*1	KRC72
2	Bộ điều hợp dùng cho bộ hẹn giờ/Điều khiển từ xa (Tiếp điểm xung thường mở/Tiếp điểm thường mở)	*2	KRP413AB1S
3	Phin lọc tinh xúc tác quang với Titanium	*3	KAF970A46
4	Để giữ bộ điều khiển từ xa với dây treo		KKF917A4

Ghi chú: 1. Bộ điều hợp (KRP413AB1S) cần có cho mỗi dàn lạnh.
2. Bộ hẹn giờ và những thiết bị khác được cung cấp tại nơi lắp đặt.
3. Phin lọc và phụ tùng kèm theo. Nó sẽ được thay mới mỗi 3 năm.

Dàn nóng

STT	Thiết bị	RE25/35/50/60K
1	Lưới điều chỉnh hướng gió	KPW937A4
2	Đầu nối ống xả nước	*1
		KKP937A4

Ghi chú:*1. Một bộ gồm 5 cái cho 5 máy

Đại lý phân phối:

DAIKIN INDUSTRIES, LTD.

Head Office:

Umeda Center Bldg., 2-4-12, Nakazaki-Nishi,
Kita-ku, Osaka, 530-8323 Japan

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT KIM

Văn phòng chính

Tầng 14 và 15 tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng Tám,
P.4, Q.3, TP.HCM

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park, 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng

177 Phan Chu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng



Máy Điều Hòa Không Khí Dân Dụng

SERIES K

Một chiều lạnh [50Hz] **R-22**



Thiết kế mới đơn giản

Với thiết kế mặt nạ phẳng đơn giản mà tinh tế làm tôn vinh nội thất trong phòng. Tất cả model từ 2,5 đến 6,0 kW đều có thiết kế phẳng, sáng bóng, tạo được sự hòa hợp và đồng bộ ở mọi phòng trong nhà.



Tên model	FTE25KV1 / RE25KV1	
Công suất lạnh	kW	2.60
	Btu/h	8,900

Tên model	FTE50KV1 / RE50KV1	
Công suất lạnh	kW	5.20
	Btu/h	17,750

Tên model	FTE35KV1 / RE35KV1	
Công suất lạnh	kW	3.35
	Btu/h	11,450

Tên model	FTE60KV1 / RE60KV1	
Công suất lạnh	kW	6.40
	Btu/h	21,800

Tiết kiệm năng lượng

Máy công suất 2.5 kW có hệ số tiết kiệm năng lượng COP lên đến 3.28. Rất hiệu quả cho việc vận hành điều hòa không khí trong thời gian dài.

Model	FTE25K	FTE35K	FTE50K	FTE60K
COP	3.28	3.13	3.13	3.13

Chỉ số hiệu suất COP là gì?
Chỉ số hiệu suất COP (Coefficient of Performance) của một máy điều hòa không khí biểu thị hiệu quả trong việc sử dụng năng lượng của máy. Chỉ số COP càng cao nghĩa là hiệu suất năng lượng càng cao. Điều này cũng đồng nghĩa với mức tiêu thụ điện năng thấp và giúp tiết kiệm túi tiền của bạn.

COP = $\frac{\text{Năng suất lạnh (W)}}{\text{Điện năng tiêu thụ (kW)}}$

Hoạt động êm

Dàn lạnh vận hành êm tạo ra môi trường yên tĩnh cho người sử dụng. Dàn nóng hoạt động với độ ồn thấp sẽ không gây phiền hà cho các nhà lân cận.

Máy công suất 2.5 kW có độ ồn chỉ có 28dB(A) đối với dàn lạnh và 49dB(A) đối với dàn nóng.

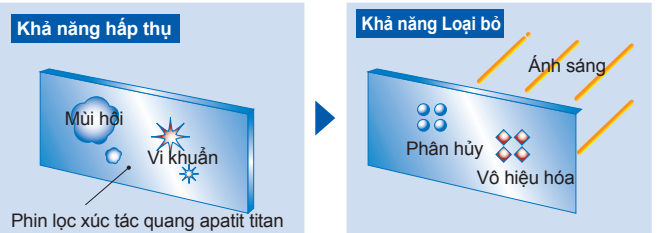
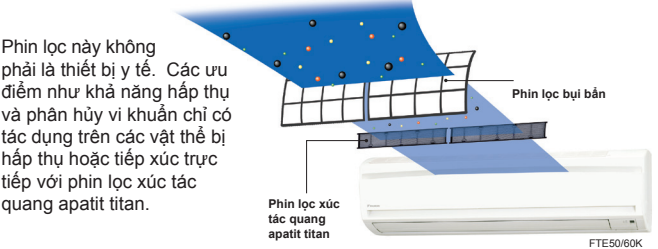
Đơn vị: dB(A)

Dàn lạnh	FTE25K	FTE35K	FTE50K	FTE60K
Độ ồn (thấp)	28	33	35	36
Dàn nóng	RE25K	RE35K	RE50K	RE60K
Độ ồn	49	50	53	55

Phin lọc xúc tác quang Apatit titan

Apatit titan là vật liệu xúc tác quang mới có khả năng hấp thu mạnh các phân tử bụi cực nhỏ và tiêu diệt vi khuẩn.

Chức năng xúc tác quang phát huy tác dụng mạnh mẽ dưới ánh sáng. Phin lọc được sử dụng trong khoảng 3 năm mà không cần thay thế nếu được làm vệ sinh thường xuyên 6 tháng một lần.



Danh mục các tính năng

Dàn lạnh

Tính năng		Tên model	FTE25/35K	FTE50/60K
Luồng khí sáng khoái		Đào gió 2 cánh mạnh mẽ		
		Góc hướng dòng rộng		
		Đào gió tự động theo phương đứng (lên và xuống)		
Vận hành ưu việt		Chế độ làm khô		
		Tốc độ quạt tự động		
Tiện nghi cuộc sống		Làm lạnh nhanh		
		Nút Tắt/Mở trên dàn lạnh		
Vệ sinh		Phin lọc sạch xúc tác quang titan		
		Mặt nạ phẳng dễ lau chùi		
Hẹn giờ		Hẹn giờ Tắt/Mở 24h		
		Chế độ hoạt động vào ban đêm		
An tâm		Tự động khởi động lại sau khi mất điện		
		Tự chẩn đoán lỗi với màn hình KTS		

Dàn nóng

Tính năng		Mã sản phẩm	RE25/35K	RE50/60K
An tâm		Tự chẩn đoán lỗi với màn hình KTS		
		Chống ăn mòn ở cánh tản nhiệt dàn nóng		